TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tăng Tiến Sơn

Ông Nguyễn Xuân Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2191/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 2536/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cù Thị A, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh E, sinh năm 1982; nơi cư trú: Đài Loan; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 24-9-2018 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Cù Thị A trình bày: Chị A và Anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng ngày 08-5-2017. Sau khi kết hôn, chị A và Anh E chung sống được khoảng một tuần thì Anh E quay trở về Đài Loan. Anh E đã làm thủ tục bảo lãnh cho chị A để vợ chồng đoàn tụ. nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận do nghi ngờ việc kết hôn giữa chị A

và Anh E. Do không có cơ hội đoàn tụ, bất đồng ngôn ngữ và khoảng cách về tuổi tác lớn và kể từ tháng 10 năm 2017 đến nay hai bên không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy hôn nhân với Anh E không có tương lai nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với Anh E.

Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh Wang, Chien – Fa; về con chung và tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh E vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến*:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, về quan hệ hôn nhân, xử cho chị A và Anh E được ly hôn; về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung, do chị A không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc xin ly hôn giữa chị A và Anh E, đồng thời đề nghị Anh E cho biết quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A. Ngày 31-01-2019, Tòa án đã nhận được Công văn số 170/CH-BTP ngày 28-01-2019 của

Bộ Tư pháp về việc đã thực hiện yêu cầu ủy thác cho Bộ tư pháp Lãnh thổ Đài Loan. Ngày 17-6-2019, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 1699/BTP-PLQT ngày 10-6-2019 của Bộ Tư pháp với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt Anh E theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cù Thị A và Anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, thành phố Hải Phòng ngày 08-5-2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn do việc bảo lãnh của anh Wang, Chien – Fa cho chị A không được cơ quan có thẩm quyền của Đài Loan chấp nhận nên anh Wang, Chien – Fa và chị A không có cơ hội đoàn tụ. Do không có điều kiện sống chung, bất đồng ngôn ngữ và khoảng cách tuổi hai bên chênh lệch nên anh Wang, Chien – Fa và chị A không có khả năng duy trì được hôn nhân. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh Wang, Chien – Fa và chị A không có hạnh phúc, không có tương lai nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A – quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

[5] Chị A phải chịu án phí ly hôn và chi phí tố tụng ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cù Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cù Thị A được ly hôn với Anh E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Cù Thị A xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Cù Thị A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010984 ngày 26-9-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Cù Thị A phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010903 ngày 16-10-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Cù Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Cù Thị A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, Anh E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện D, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Minh Phương